TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN LẠC** **TỈNH HÒA BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 12/3/2024.
V/v Ly hôn giữa chị Bùi Thị C và anh Bùi Văn N.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN LẠC – TỈNH HÒA BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Yến
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Văn Thụ và bà Bùi Thị Thiết.
- Thư ký phiên tòa: Bà Tăng Thị Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Lạc.
- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Lạc tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Nhạn - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình mở phiên tòa xét xử công khai vụ án thụ lý số 107/2023/TLST- HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2023, về "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 27/02/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Bùi Thị C**, sinh năm 1990 (Có mặt tại phiên tòa)
Nơi ĐKHKTT: Xóm B, xã N, huyện T, tỉnh Hòa Bình.
Bị đơn: Anh **Bùi Văn N**, sinh năm 1982 (Vắng mặt có lý do)
Nơi ĐKHKTT: Xóm B, xã N, huyện T, tỉnh Hòa Bình.
Hiện nay đang chấp hành án tại phân trại 2, Trại giam số 3, địa chỉ: xã Nghĩa Dũng, huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện và quá trình cung cấp chứng cứ, nguyên đơn chị Bùi Thị C trình bày*:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Bùi Văn N kết hôn năm 2011 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện T, tỉnh Hòa Bình. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc được hai năm đến năm 2013 thì anh N bị Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xử phạt 17 năm tù, kể từ đó anh chị sống xa nhau đã hơn 10 năm. Hiện nay anh Bùi Văn N đang chấp hành án tại trại giam số 3 – Bộ Công an ở huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An. Nay xác định tình cảm không còn và không có tương lai nên chị C làm đơn xin ly hôn anh Bùi Văn N, chị C có đơn đề nghị Tòa án xác minh, thu thập chứng cứ tại trại giam số 3 – Bộ Công an và giải quyết ly hôn vắng mặt anh Bùi Văn N.

Về con chung: Chị C và anh N có 01 con chung là Bùi Hà T, sinh ngày 23/9/2011. Hiện nay con đang do chị nuôi dưỡng, khi ly hôn chị đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng con chung cho đến khi trưởng thành, do điều kiện anh N đang chấp hành án nên chị chưa yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và công nợ chung : Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn – anh Bùi Văn N do đang chấp hành án tại trại giam số 3 –Bộ Công an do đó anh N không có mặt tại Tòa án nhân dân huyện Tân Lạc nhưng đã có bản tự khai và đơn đề nghị giải quyết vắng mặt của mình nộp cho Tòa án. Tòa án đã ủy thác thu thập tài liệu, chứng cứ xác minh địa chỉ nơi cư trú và nơi đang chấp hành án của anh Bùi Văn N, thể hiện anh N có địa chỉ rõ ràng tại xóm B, xã N, huyện T, có đăng ký hộ khẩu tại địa chỉ chị C đã cung cấp là xã N, huyện T, tỉnh Hòa Bình. Anh N xác nhận đang chấp hành bản án của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội với mức hình phạt là 16 năm tù về tội Giết người, thời hạn chấp hành án còn dài nên đồng ý ly hôn với chị Bùi Thị C. Anh N đã viết bản tự khai đồng ý ly hôn với chị C, về con chung anh N xác nhận có 01 con chung là Bùi Hà T, sinh năm 2011 anh N đề nghị con tiếp tục do chị C trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung và đề nghị tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung do hoàn cảnh không cho phép. Về tài sản chung và công nợ chung anh N xác nhận là không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị Bùi Thị C giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình.

* **Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa**:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến tại phiên tòa Thẩm phán, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự khi giải quyết vụ án. Viện Kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì. Người tham gia tố tụng là nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình khi tham gia tố tụng. Đối với bị đơn có địa chỉ tại xã N, huyện T, hiện nay bị đơn đang chấp hành bản án tại trại giam số 3 – Bộ Công an ở huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An đã được Tòa án thông báo, tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ, bị đơn có đơn xin giải quyết vắng mặt tại phiên tòa. Do vậy Tòa án vẫn tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục quy định của pháp luật. Đề nghị HĐXX áp dụng các điều 68, 93, 97, 203, 220 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Về quan hệ hôn nhân giữa chị Bùi Thị C và anh Bùi Văn N có mâu thuẫn trầm trọng, trong hai năm chung sống sau kết hôn chị C khai hai vợ chồng mâu thuẫn cãi vã nhau do anh N hay uống rượu, năm 2013 thì anh N phạm tội Giết người và bị Tòa án thành phố Hà Nội xử phạt 17 năm tù. Hiện nay anh N đang chấp hành án phạt tù, chị C đã không còn quan tâm thăm hỏi anh N do đã hết tình cảm và không có tương lai nên đề nghị Hội đồng xét xử quyết định cho ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81,82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Về con chung giao cháu Bùi Hà T cho chị C được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi, chấp nhận sự tự nguyện chị C chưa yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản và công nợ chung cả chị C và anh N đều khai không có và không đề nghị giải quyết nên không đề nghị xem xét. Về án phí nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về tố tụng:* Chị Bùi Thị C có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình giải quyết việc ly hôn với anh Bùi Văn N, địa chỉ tại xóm B, xã

N, huyện T, tỉnh Hòa Bình. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, anh Bùi Văn N không có mặt tại Tòa án có lý do chính đáng. Tòa án đã ủy thác thu thập chứng cứ cho Tòa án nhân dân huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An thu thập tài liệu, chứng cứ, xác minh địa chỉ của anh Bùi Văn N đúng như địa chỉ mà nguyên đơn đã cung cấp. Tòa án đã tiến hành cấp, tống đạt, thông báo các văn bản tố tụng theo đúng quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 172; khoản 3 Điều 177 của Bộ luật Tố tụng Dân sự cho anh N. Do bị đơn là anh Bùi Văn N đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hơn nữa chị Bùi Thị C là nguyên đơn trong vụ án cũng có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải, tiếp cận công khai chứng cứ nên vụ án không tiến hòa giải, tiếp cận công khai chứng cứ và theo quy định tại khoản 2, khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự, anh N không thể tham gia hòa giải được vì có lý do chính đáng đang chấp hành hình phạt tù. Anh N đã được Tòa án giao Quyết định đưa vụ án ra xét xử, anh N có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh N theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung vụ án*: Xét quan hệ hôn nhân giữa chị Bùi Thị C và anh Bùi Văn N kết hôn ngày 11/01/2011 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Hòa Bình là hợp pháp. Quá trình chung sống 02 năm sau khi kết hôn giữa chị C và anh N có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh N hay uống rượu và vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Năm 2013 anh N đã bị Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội kết án về tội Giết người, thời gian đầu chị C còn quan tâm đi thăm hỏi, động viên anh N, lâu dần tình cảm phai nhạt chị C không còn quan tâm đến cuộc sống của anh N nữa, hơn nữa chị C cũng xác định không có tương lai mà cần ổn định cuộc sống để làm ăn nuôi dậy con. Như vậy chị C và anh N đã không còn thương yêu, không còn chung sống cùng nhau, tình nghĩa vợ chồng không còn, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được đã vi phạm Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó xét cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Bùi Thị C là có căn cứ, phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị C và anh N có 01 con chung là Bùi Hà T sinh năm 2011, hiện nay con chung đang ở với chị C, chị C đề nghị được tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung cho đến khi trưởng thành, chưa yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy đề nghị của chị C là hoàn toàn phù hợp với điều kiện hoàn cảnh hiện tại của chị, hơn nữa cháu Bùi Hà T có nguyện vọng được ở với mẹ nên cần giao con chung cho chị C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung đến khi trưởng thành.

[4] Về tài sản chung và công nợ chung: Chị Bùi Thị C và anh Bùi Văn N đều xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Nguyên đơn chị Bùi Thị C phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1, khoản 2 Điều 227; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Bùi Thị C, xử cho chị Bùi Thị C được ly hôn với anh Bùi Văn N.

Giao 01 con chung là Bùi Hà T, sinh năm 2011 cho chị C được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị C chưa yêu cầu anh Bùi Văn N phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh N được quyền thăm nom con chung sau ly hôn theo quy định của pháp luật, không ai được cản trở.

Án phí: Chị Bùi Thị C phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào 300.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0000502 ngày 17/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Lạc, chị Bùi Thị C đã nộp xong án phí.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Hòa Bình;*
- *VKSND huyện Tân Lạc;*
- *Các đương sự;*
- *Chi cục THADS huyện Tân Lạc;*
- *UBND xã N, huyện T, tỉnh Hòa Bình;*
(Nơi đăng ký kết hôn ngày 11/01/2011)
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(đã ký tên, đóng dấu)

Hà Thị Yến